TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ XUYÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 145/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 04 - 7 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYÊN, TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Anh Phương.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Thịnh và ông Đào Đức Giôn.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lê Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 137/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXX - ST ngày 21 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đào Duy L, sinh năm 1980.
Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn C, xã Hồng M, huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1985.
Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn C, xã Hồng M, huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội. Hiện đang thi hành án tại đội 4, Phân trại 3, Trại giam Thanh Xuân. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Đào Duy Luận trình bày:

Anh với chị Nguyễn Thị Thanh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tháng 8 năm 2003 tại UBND xã Hồng M. Sau khi cưới, vợ chồng về chung sống tại thôn C, xã Hồng M, huyện Phú Xuyên. Vợ chồng chung sống thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong cách nuôi dậy con cái, trong làm ăn kinh tế. Mâu thuẫn trầm trọng khi năm 2018 chị H bị TAND tỉnh Sơn La tuyên án chung thân về tội Mua bán trái phép chất ma tuý. Kể từ khi chị H đi chấp hành án là một mình anh phải bươn chải để nuôi con, chăm sóc gia đình.

Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức nên tha thiết đề nghị Toà án cho tôi được ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có bốn con chung là Đào Tường V sinh ngày

05/8/2010, Đào Duy Tuấn A sinh ngày 16/8/2007, Đào Tố Q sinh ngày 17/3/2013, Đào Tường A1 sinh ngày 30/9/2011,ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả bốn con chung và không đề nghị chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung vợ chồng: Anh không yêu C Tòa giải quyết.

Về công nợ chung vợ chồng: Không có nên anh không yêu C Tòa giải quyết.

Phía bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh H:

Chị kết hôn với anh Đào Duy L từ năm 2003 là hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hồng M, huyện Phú Xuyên. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại tại thôn C, xã Hồng M. Vợ chồng chung sống thường xuyên mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, hơn nữa chị H nghi ngờ anh L không chung thuỷ khiến vợ chồng thường xuyên cải chửi nhau, thậm chí đánh nhau. Đến năm 2018 chị bị TAND tỉnh Sơn La xử chung thân về tội Mua bán trái phép chất ma tuý. Từ khi chị đi chấp hành án thì anh L rất ít thăm nuôi chị. Nay anh L làm đơn xin ly hôn, quan điểm của chị là xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhưng chị không đồng ý ly hôn vì muốn con có cả bố lẫn mẹ.

Chị đề nghị Toà án án không tiến hành hoà giả.

Vợ chồng có bốn con chung là Đào Tường V sinh ngày 05/8/2010, Đào Duy Tuấn A sinh ngày 16/8/2007, Đào Tố Q sinh ngày 17/3/2013, Đào Tường A1 sinh ngày 30/9/2011, ly hôn chị đồng ý để anh L trực tiếp nuôi dưỡng cả bốn con chung và dề nghị tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung chị.

Về tài sản chung vợ chồng: chị không yêu C Tòa giải quyết.

Về công nợ chung vợ chồng: Không có nên anh không yêu C Tòa giải quyết

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng; Các đương sự đã được Tòa án tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; và đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà...

Do mâu thuẫn đã trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu C của anh Đào Duy L và áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử: Cho anh Đào Duy L được ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh H; giao cả bốn con chung của anh L chị H là Đào Tường V sinh ngày 05/8/2010, Đào Duy Tuấn Anh sinh ngày 16/8/2007, Đào Tố Q sinh ngày 17/3/2013, Đào Tường An sinh ngày 30/9/2011 cho anh Đào Duy L trực tiếp chăm sóc giáo dục, tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H; tài sản chung các bên đều không đề nghị Tòa xét nên không xét; công nợ chung các bên đều khẳng định không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện VKSND, HĐXX nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Đây là vụ kiện Hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn, bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn C, xã Hồng M, huyện Phú Xuyên nên Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Đào Duy L và chị Nguyễn Thị Thanh H là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hồng M, huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội (Đăng ký kết hôn số 27 ngày 15/8/2003). Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nhiều năm do bất đồng quan điểm trong cuộc sống cộng với tính cách không hòa hợp mỗi bên, không tôn trọng, tin tưởng nhau trong cuộc sống, hơn nữa kể từ năm 2018 chị H phải đi chấp hành án tù chung thân thì tình cảm vợ chồng càng nhạt phai.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đào Duy L và chị Nguyễn Thị Thanh H đã đến mức trầm trọng bởi tình cảm vợ chồng thực sự không còn do thời gian mâu thuẫn, sống ly thân đã lâu, đời sống vợ chồng không có cơ hội hàn gắn bởi từ hai phía đều không ai mong muốn đoàn tụ, mục đích hôn nhân là hạnh phúc gia đình vì thế không đạt được, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức, không còn ý nghĩa; quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, trước yêu C ly hôn anh Đào Duy L, phía chị Nguyễn Thị Thanh H cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn... Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy, yêu C của anh L về ly hôn chị H là có căn cứ, nên áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho anh Đào Duy L được ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh H.

Về con chung: Anh Đào Duy L và chị Nguyễn Thị Thanh H có Đào Tường V sinh ngày 05/8/2010, Đào Duy Tuấn A sinh ngày 16/8/2007, Đào Tố Q sinh ngày 17/3/2013, Đào Tường A1 sinh ngày 30/9/2011. Xét thấy, hiện nay chị H đang phải chấp hành án phạt tù nên không có điều kiện trực tiếp chăm sóc giáo dục con chung, hơn nữa cả chị H và anh L đều thống nhất khi ly hôn sẽ giao cả bốn con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, đó cũng chính là nguyện vọng của các cháu. Nên giao cả bốn con chung là Đào Tường V sinh ngày 05/8/2010, Đào Duy Tuấn Anh sinh ngày 16/8/2007, Đào Tố Q sinh ngày 17/3/2013, Đào Tường An sinh ngày 30/9/2011 cho anh L trực tiếp chăm sóc , giáo dọc; tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Các bên đều không đề nghị Tòa xét nên Tòa không xét.

Về công nợ chung: Các bên đều khẳng định vợ chồng không có công nợ chung nên Tòa không xét.

[3] *Về án phí:* Nguyên đơn anh Đào Duy L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn anh L và bị đơn chị H có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Đào Duy L được ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh H.

2. Về con chung: giao cả bốn con chung của anh Đào Duy L với chị Nguyễn Thị Thanh H là Đào Tường V sinh ngày 05/8/2010, Đào Duy Tuấn A sinh ngày 16/8/2007, Đào Tố Q sinh ngày 17/3/2013, Đào Tường A1 sinh ngày 30/9/2011 cho anh L trực tiếp chăm sóc, giáo dọc; tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Anh Đào Duy L phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu số 0015492 ngày 06/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên. Anh Đào Duy L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu C thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Phú Xuyên;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Phú Xuyên;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Anh Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**